

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÂM LÝ SỢ BỎ LỠ CƠ HỘI (FOMO) TRONG ĐẦU TƯ TIỀN MÃ HÓA

LÊ HOÀNG KHÁNH MINH^{(1)*}; NGUYỄN THỊ HOÀNG DIỆU⁽²⁾;
ĐẶNG THỊ KHÁNH HUYỀN⁽³⁾; HÀ VIỆT BÌNH AN⁽⁴⁾

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh City University of Law

Email: (1) 2153401010068@email.hcmulaw.edu.vn; (2) 2153401010021@email.hcmulaw.edu.vn;
(3) 2453401020137@email.hcmulaw.edu.vn; (4) 2453401020002@email.hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Trong kỷ nguyên công nghệ số 4.0, sự phát triển của mạng internet và công nghệ blockchain đã kéo theo một cuộc cách mạng trong thế giới tài chính nói chung và thị trường tiền mã hóa nói riêng. Mục tiêu của bài nghiên cứu là nhằm làm sáng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến “tâm lý sợ bỏ lỡ (FOMO)” trong đầu tư tiền mã hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới, sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số và xu hướng sợ mất mát có tác động cùng chiều đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa. Yếu tố kiến thức về tiền mã hóa có tác động không đáng kể. Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp nhóm tác giả đưa ra những kiến nghị cho các nhà đầu tư khi đầu tư tiền mã hóa nhằm giúp họ kiểm soát cảm xúc và đưa ra những quyết định đầu tư hợp lý hơn.

Từ khóa: tâm lý sợ bỏ lỡ cơ hội, đầu tư tiền mã hóa, tài chính hành vi

Abstract

In the era of 4.0 digital technology, the development of the internet and blockchain technology has sparked a revolution in the financial world in general and the cryptocurrency market in particular. The objective of this study is to clarify the factors influencing “fear of missing out (FOMO)” in cryptocurrency investment within Ho Chi Minh City. The research was conducted using both qualitative and quantitative methods. The findings indicate that the tendency to embrace risk and innovation, reliance on digital information sources, and the fear of loss have a positive impact on FOMO in crypto investment. The factor of cryptocurrency knowledge was found to have an insignificant effect. The results of this study serve as a basis for the authors to provide recommendations for investors, helping them manage their emotions and make more rational investment decisions.

Keywords: fear of missing out, crypto investment, behavioral finance

Ngày nhận bài: 30/9/2025

Ngày duyệt đăng: 12/3/2026

Tiền mã hóa (cryptocurrency) đang nổi lên như một loại tài sản mới, có tính chất phi tập trung và cho phép giao dịch ngang hàng mà không cần sự can thiệp của các tổ chức trung gian, đồng thời thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ nhà đầu tư và truyền thông quốc tế. Tại Việt Nam, tốc độ lan

* Bài viết này thuộc sản phẩm đã được nghiệm thu: “Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý sợ bỏ lỡ cơ hội (FOMO) trong đầu tư tiền mã hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Bài nghiên cứu này đã đạt giải nhất cấp khoa theo Quyết định số 1044/QĐ-ĐHL và giải khuyến khích cấp trường theo Quyết định số 1196/QĐ-ĐHL của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh.

tỏa của tiền mã hóa đặc biệt ấn tượng. Theo báo cáo của Chainalysis:¹ “Việt Nam hiện đứng thứ 3 thế giới về chỉ số chấp nhận tài sản mã hóa và đứng thứ 7 với 17,4% dân số sở hữu tài sản mã hóa và thuộc TOP 30 quốc gia có tỷ lệ sở hữu tài sản mã hóa cao nhất”.

Song hành với sự phát triển đó là những rủi ro đáng kể bắt nguồn từ yếu tố tâm lý, trong đó nổi bật là hiện tượng nỗi sợ bỏ lỡ cơ hội - “*fear of missing out*” (FOMO). Đây là trạng thái lo lắng, bất an khi một cá nhân cho rằng mình đang bị “tụt lại phía sau” nếu không nhanh chóng tham gia vào một xu hướng hay cơ hội đầu tư. FOMO không chỉ thúc đẩy hành vi đầu cơ cảm tính mà còn góp phần tạo ra các “bong bóng” tài chính, dễ dàng sụp đổ khi thị trường đảo chiều. Một ví dụ điển hình là sự kiện vào năm 2021, việc Tesla công bố đầu tư vào Bitcoin đã tạo ra một đợt tăng giá đáng kể đối với loại tài sản số. Tuy nhiên, quyết định sau đó của công ty về việc ngừng chấp nhận thanh toán bằng Bitcoin đã gây ra một đợt sụt giảm giá trị, khiến nhiều nhà đầu tư phải chấp nhận chịu lỗ. Bên cạnh đó, tâm lý FOMO không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới các nhà đầu tư, mà còn tác động rộng rãi đến sự ổn định và phát triển bền vững của thị trường tiền mã hóa.

Hiện nay, mặc dù đã có nhiều đề tài liên quan đến tâm lý FOMO trong đầu tư tài chính được nghiên cứu trong phạm vi quốc tế, nhưng ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về chủ đề này. Phần lớn các nghiên cứu ở Việt Nam, đặc biệt là ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, chủ yếu chỉ tập trung vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đầu tư tài chính nói chung và tiền mã hóa nói riêng. Trong khi khía cạnh tâm lý xã hội, đặc biệt là FOMO trong bối cảnh thị trường tiền mã hóa vẫn chưa được nghiên cứu chuyên sâu. Khoảng trống này trở nên cấp thiết trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng lớn nhà đầu tư nhà đầu tư F0 - những người hứng thú với tiền mã hóa nhưng chưa có kinh nghiệm trong đầu tư tài chính.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được triển khai nhằm làm sáng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý FOMO trong đầu tư tiền mã hóa tại thành phố Hồ Chí Minh. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: (i) đo lường và đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố thông qua khảo sát và phân tích định lượng; (ii) dựa trên kết quả nghiên cứu, đưa ra những kiến nghị giúp nhà đầu tư kiểm soát cảm xúc tốt hơn khi đầu tư vào tiền mã hóa từ đó đưa ra quyết định đầu tư trí hơn.

1. Tổng quan nghiên cứu

1.1. Cơ sở lý thuyết và khái niệm liên quan

FOMO là trạng thái lo lắng, bất an khi cá nhân tin rằng mình đang bỏ lỡ một cơ hội quan trọng.² Trong lĩnh vực đầu tư, FOMO thường khiến

1 Chainalysis Team, “The 2023 Global Crypto Adoption Index: Central & Southern Asia Are Leading the Way in Grassroots Crypto Adoption”, *Chainalysis*, 2023, <https://www.chainalysis.com/blog/2023-global-crypto-adoption-index/>, truy cập ngày 30/9/2025.

2 Andrew K. Przybylski, Kou Murayama, Cody R. DeHaan, Valerie Gladwell, “Motivational, emotional, and behavioral correlates of fear of missing out”, *Computers in Human Behavior*, Vol. 29(4), 2013, tr. 1841-1848, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.chb.2013.02.014>

nhà đầu tư hành động vội vã, thiếu cân nhắc, dễ mua vào khi giá đang cao hoặc bán tháo khi thị trường biến động tiêu cực. Đặc biệt, với thị trường tiền mã hóa vốn có tính phi tập trung, biến động lớn và chịu ảnh hưởng mạnh từ dòng thông tin trên mạng xã hội, tâm lý FOMO càng dễ bùng phát.

Một số lý thuyết nền tảng thường được ứng dụng để lý giải hành vi FOMO trong bối cảnh tài chính gồm:

- Thuyết tự quyết định (*self-determination theory*, SDT) nhấn mạnh vai trò của ba nhu cầu tâm lý cơ bản là tự chủ, năng lực và kết nối xã hội.³ Nhà đầu tư dễ bị FOMO khi họ muốn được thừa nhận trong cộng đồng đầu tư.

- Thuyết hành vi dự định (*theory of planned behavior*, TPB) của Ajzen⁴ cho rằng thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng trực tiếp đến ý định hành động. Khi chuẩn mực xã hội “mọi người đều đang đầu tư” trở nên áp đảo, FOMO dễ hình thành.

- Lý thuyết nhận thức xã hội (*social cognitive theory*, SCT) của Bandura⁵ đặt trọng tâm vào sự tương tác giữa cá nhân, hành vi và môi trường. Trong kỷ nguyên kỹ thuật số, môi trường mạng xã hội chính là tác nhân khuếch đại FOMO.

1.2. Các công trình nghiên cứu trước đây

Nhiều công trình quốc tế đã nghiên cứu tác động của FOMO đến hành vi đầu tư. Những nghiên cứu này nhấn mạnh rằng FOMO không chỉ là một hiện tượng tâm lý nhất thời mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cá nhân (tính cách, kiến thức, sở thích mạo hiểm) và bối cảnh xã hội (khủng hoảng, truyền thông, mạng xã hội).

Ở Việt Nam, nghiên cứu về FOMO trong đầu tư tiền mã hóa vẫn còn hạn chế. Nhìn chung, các công trình trong nước mới chỉ dừng lại ở phân tích hành vi đầu tư tài chính chung, chưa xây dựng được khung lý thuyết toàn diện để đo lường FOMO trong bối cảnh thị trường tiền mã hóa.

1.3. Khung lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Sẵn sàng trải nghiệm

Những cá nhân có tính cách cởi mở thường chủ động tìm hiểu cái mới và ít bị chi phối bởi đám đông. Những cá nhân này không phải là những người tiếp nhận thụ động đơn thuần mà họ luôn có nhu cầu tìm kiếm trải nghiệm mới, và mức độ sẵn sàng trải nghiệm càng cao tương đương với mong muốn học hỏi càng lớn.⁶

3 Edward L. Deci, Richard M. Ryan, *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*, Berlin: Springer Science & Business Media, 1985, DOI: <https://doi.org/10.1007/978-1-4899-2271-7>

4 Ajzen, “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, Vol. 50(1), 1991, tr. 179-211, DOI: [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)

5 Bandura, A., & National Inst of Mental Health, *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1986.

6 Robert R. McCrae, David M. Greenberg, “Chapter 12: Openness to experience”, in Dean Keith Simonton (ed.), *The Wiley handbook of genius*, 2014, tr. 222-243, DOI: <https://doi.org/10.1002/9781118367377>

Bên cạnh đó, những người sẵn sàng trải nghiệm thường có xu hướng tham gia vào các dự án đầu tư tài chính mạo hiểm bởi tính cách luôn sẵn sàng và khả năng đối mặt với những rủi ro.⁷ Sự thông minh từ người sở hữu tính cách này giúp họ đưa ra lựa chọn hợp lý mà không dễ bị áp lực từ những người xung quanh hay cảm xúc nhất thời.⁸ Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

H1: Sẵn sàng trải nghiệm có tác động tiêu cực (-) đến tâm lý FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

1.3.2. Kiến thức về tiền mã hóa

Kiến thức về tiền mã hóa giúp người tiêu dùng đưa ra những quyết định mua tiền mã hóa sáng suốt và hợp lý. Hành vi tài chính của họ càng tốt và khôn ngoan hơn nếu kiến thức về tài chính của họ càng cao.⁹ Điều này cho thấy, những người này có xu hướng đưa ra quyết định dựa trên sự phân tích hợp lý thay vì dựa vào cảm xúc nhất thời nên họ sẽ tránh được sự ảnh hưởng từ hành vi của đám đông khi ra quyết định đầu tư vào tiền mã hóa. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

H2: Kiến thức về tiền mã hóa có tác động ngược chiều đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

1.3.3. Sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số

Đầu tư tiền mã hóa đặc biệt phổ biến đối với những người thuộc thế hệ Gen Z, thế hệ lớn lên trong sự phát triển của thông tin kỹ thuật số¹⁰ và mạng xã hội đóng vai trò đáng kể trong việc trao đổi thông tin và tạo xu hướng.¹¹ Trong khi đó, FOMO là loại tâm lý được đề cập nhiều trong các nghiên cứu về mạng xã hội.¹²

Có thể thấy, khi các nhà giao dịch chia sẻ những khoản lợi nhuận lớn hoặc các trải nghiệm đầu tư thành công trên các nền tảng như Facebook, Instagram hoặc X (Twitter), những người theo dõi có thể cảm thấy bị “bỏ lỡ”, từ đó làm tăng mức độ FOMO. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

H3: Sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số có tác động cùng chiều đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

7 Ahmed Hassan Jamal, Malik Aftab Ahmed, “Impact of neuroticism, agreeableness and openness to experience on long term investment intentions: A mediating role of risk aversion”, *South Asian Journal of Banking and Social Sciences*, Vol. 02(01), 2016, tr. 2410-2067.

8 Nwamaka A. Anaza, Bhaskar Upadhyaya, Delancy Bennett, Cecilia Ruvalcaba, “Is it FOMO or is it ME? The influence of personality traits on cryptocurrency consumption”, *Psychology & Marketing*, Vol. 41(1), 2023, tr. 184-202.

9 Pipit Rosita Andarsari, Mega Noerman Ningtyas, “The role of financial literacy on financial behavior”, *Journal of accounting and business education*, Vol. 4(1), 2019, tr. 24-33, DOI: <http://dx.doi.org/10.26675/jabe.v4i1.8524>

10 Alexander Jerico Nehemia Sinaga, Osly Usman, “Influence of FOMO, Information, and Influencers on Crypto Investment Decisions”, *International Student Conference on Business, Education, Economics, Accounting, and Management (ISC-BEAM)*, Vol. 3(01), 2025, DOI: <https://doi.org/10.21009/ISC-BEAM.013.150>

11 Juho Kuusela, *Influence of Communities and Social Media on Cryptocurrency Price Movements*, Bachelor’s thesis, JAMK University of Applied Sciences, May 2025.

12 Andrew K. Przybylski, Kou Murayama, Cody R. DeHaan, Valerie Gladwell, *tl;dr*.

1.3.4. Tính thích mạo hiểm

Tính thích mạo hiểm là đặc điểm cá nhân phản ánh xu hướng sẵn sàng chấp nhận rủi ro để đạt được kết quả mong muốn. Đối với tiền mã hóa, thị trường còn nhiều sự mới lạ và có nhiều biến động liên tục là nơi tiềm năng để thúc đẩy những cá nhân này tham gia đầu tư. Bên cạnh đó, khi nhận thức về rủi ro của nhà đầu tư giảm và họ chấp nhận nhiều rủi ro hơn so với hoàn cảnh bình thường, mức độ đi theo đám đông của việc đầu tư vào loại tiền mã hóa nào đó có thể tăng lên. Và ngược lại, nếu những người này có nhận thức đề phòng rủi ro thì mức độ FOMO của họ sẽ giảm. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

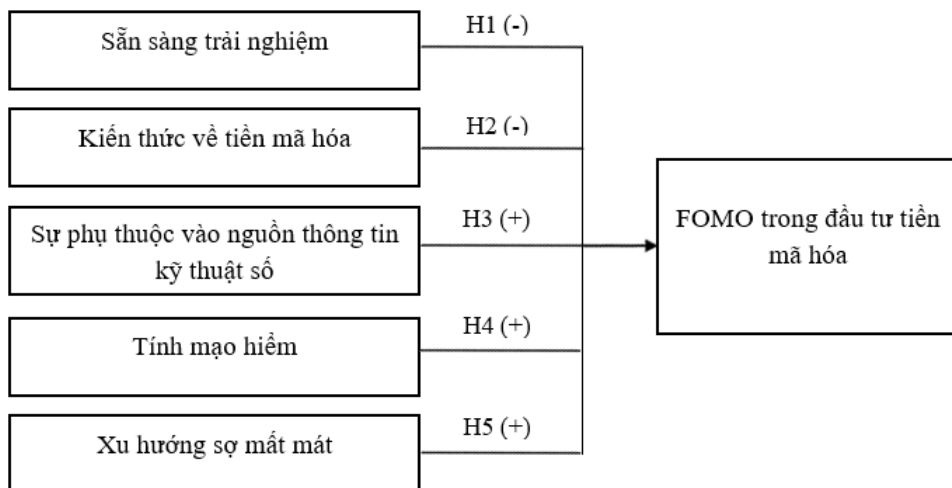
H4: Tính thích mạo hiểm có tác động cùng chiều đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

1.3.5. Xu hướng sợ mất mát

Xu hướng sợ mất mát là một hiện tượng tâm lý phổ biến trong kinh tế học hành vi, trong đó con người thường cảm thấy mất mát đau đớn hơn nhiều so với niềm vui khi đạt được lợi nhuận tương đương.¹³ Các nhà đầu tư có xu hướng sợ mất mát thường lo ngại việc bỏ lỡ cơ hội bán đi loại tiền mã hóa đang tăng giá vượt quá mức giá ban đầu vì họ sợ sẽ bị thua lỗ khi mức giá có thể giảm xuống. Vì vậy, những người này thường dễ bị tác động bởi các thông tin thị trường mang tính lan truyền và hành động theo đám đông. Từ đó, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

H5: Xu hướng sợ mất mát có tác động cùng chiều đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả có mô hình nghiên cứu như sau:



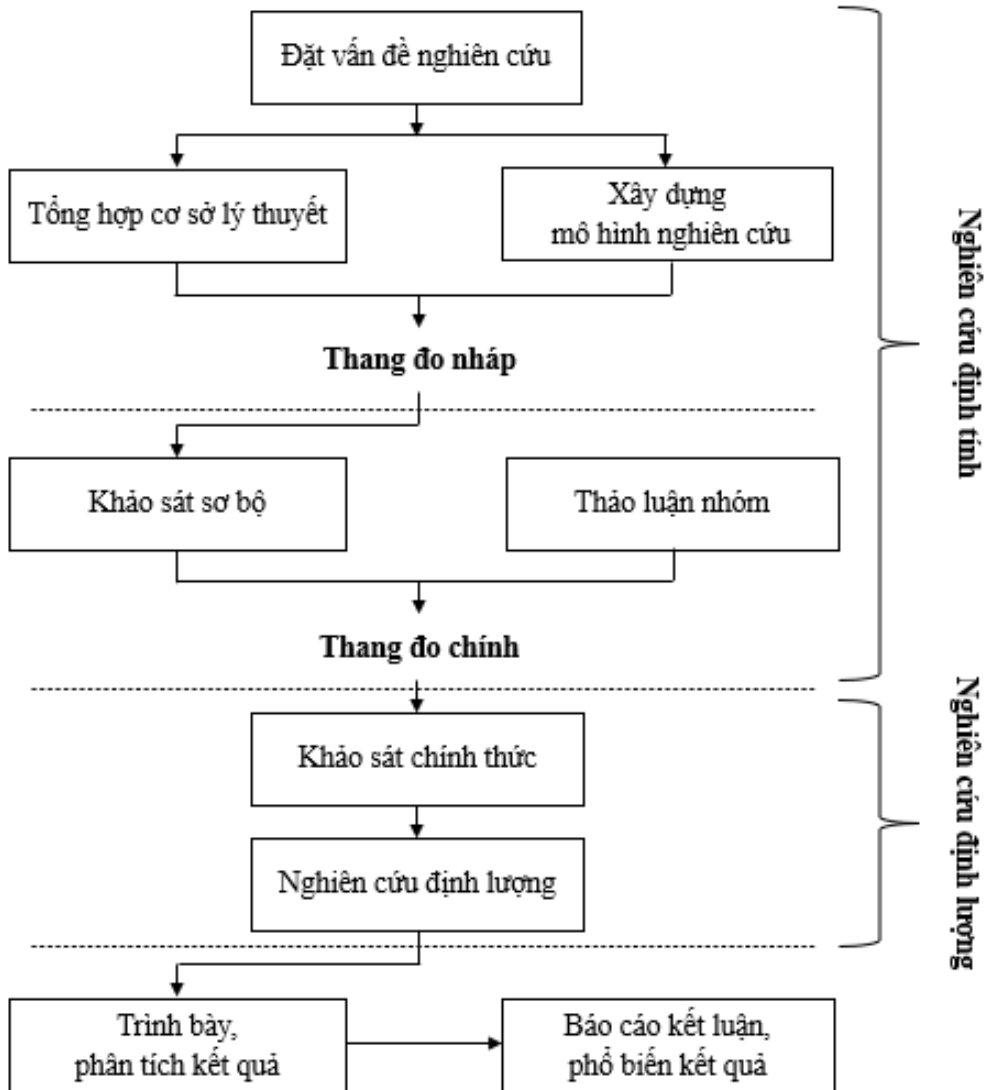
Hình 3.1 Mô hình nghiên cứu đề xuất

13 Daniel Kahneman, Jack L. Knetsch, and Richard H. Thaler, "Anomalies: The endowment effect, loss aversion, and status quo bias", *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 5(1), 1991, tr. 193–206, DOI: <https://doi.org/10.1257/jep.5.1.193>

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Quy trình nghiên cứu

Nhóm tác giả chia quy trình thành hai giai đoạn chính tương ứng với hai phương pháp nghiên cứu được sử dụng gồm nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, được thể hiện chi tiết như sơ đồ bên dưới:



Hình 3.2 Quy trình nghiên cứu đề xuất của nhóm tác giả

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

2.2. Thu thập dữ liệu

Nhóm tác tiến hành phương pháp phỏng vấn chuyên gia với 10 đối tượng đã, đang và có ý định tham gia đầu tư tiền mã hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các buổi phỏng vấn nhằm xác định mức độ phù hợp và ảnh hưởng của các nhân tố này đối với đối tượng khảo sát, từ đó, nhóm tác

giả tiến hành điều chỉnh phù hợp các nhân tố và bộ câu hỏi cho giai đoạn tiếp theo. Kết quả phỏng vấn cho thấy mô hình nghiên cứu và các giả thuyết đề xuất của nhóm tác giả có sự gắn khớp với thực tế và phù hợp để đưa vào nghiên cứu ở các giai đoạn sau.

Sau quá trình nghiên cứu sơ bộ, nhóm tác giả đã điều chỉnh thang đo câu hỏi cho phù hợp nhất với thực tiễn. Cụ thể, thang đo được chia làm hai phần. Phần thứ nhất gồm các câu hỏi tập trung khai thác thông tin nhân khẩu học cơ bản và mức độ hiểu biết về tiền mã hóa của đối tượng khảo sát. Phần thứ hai gồm các câu hỏi đo lường các biến nghiên cứu. Trong đó, thang đo có tổng cộng 6 biến tiềm ẩn và 28 biến quan sát. Đối với các biến quan sát, nhóm tác giả lựa chọn đo lường bằng thang đo Likert 5 bậc với bậc 1 = “Hoàn toàn không đồng ý và bậc 5 = “Hoàn toàn đồng ý”. Quá trình thu thập dữ liệu này được thực hiện bằng hình thức khảo sát trực tuyến thông qua công cụ Google form.

2.3. Mẫu nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các cá nhân đang sinh sống, học tập và làm việc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã, đang và có ý định tham gia đầu tư tiền mã hóa. Theo Hair và cộng sự,¹⁴ cỡ mẫu tiêu chuẩn tối thiểu cho phân tích nhân tố khám phá EFA là 50, với tỷ lệ số quan sát khuyến nghị là 5-20:1. Như vậy, đề tài nghiên cứu có 28 biến quan sát nên cần tối thiểu là 140 quan sát. Sau quá trình khảo sát, nhóm tác giả thu về được 186 mẫu khảo sát là phù hợp để thực hiện các bước phân tích định lượng tiếp theo.

2.4. Xử lý dữ liệu

Sau quá trình thu thập dữ liệu, nhóm tác giả đã sử dụng phần mềm SPSS 29 để xử lý dữ liệu. Các bước xử lý dữ liệu bao gồm: đánh giá thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, đánh giá các cấu trúc lý thuyết của các biến quan sát thông qua phân tích nhân tố khám phá EFA, xác định mối quan hệ giữa các biến trong mô hình nghiên cứu thông qua phân tích tương quan hệ số Pearson, đánh giá sự phù hợp của mô hình tuyến tính với tập dữ liệu thông qua đánh giá mô hình hồi quy bằng phép kiểm định F và đánh giá mức độ phù hợp của mô hình nghiên cứu bằng kiểm định giả thuyết nghiên cứu, đánh giá hệ số hồi quy của mỗi biến độc lập có ý nghĩa trong mô hình hay không.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê mô tả

Khảo sát được tiến hành từ 22/06/2025 đến 06/07/2025, thu về được 186 mẫu khảo sát hoàn chỉnh được thống kê mô tả theo: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, thu nhập, mức độ hiểu biết về tiền mã hóa. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 5.1 dưới đây.

14 Joseph F. Hair Jr, William C. Black, Barry J. Babin, Rolph E. Anderson, *Multivariate data analysis*, (7th ed.) Prentice Hall, 2010.

Bảng 1 Thống kê mô tả dữ liệu nghiên cứu

Đặc điểm	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Giới tính		
- Nam	100	53,8%
- Nữ	86	46,2%
2. Tuổi		
- Từ 18 – 25 tuổi	65	34,9%
- Từ 26 – 35 tuổi	38	20,4%
- Từ 36 – 45 tuổi	66	35,5%
- Từ 45 tuổi trở lên	17	9,1%
3. Trình độ học vấn		
- Phổ thông	6	3,2%
- Cao đẳng – Đại học	118	63,4%
- Sau đại học	62	33,3%
4. Thu nhập		
- Dưới 5 triệu/tháng	59	31,7%
- Từ 5 – 10 triệu/tháng	57	30,6%
- Từ 10 – 20 triệu/tháng	52	28,0%
- Trên 20 triệu	18	9,7%
5. Mức độ hiểu biết về tiền mã hóa		
- Thấp	37	19,9%
- Trung bình	81	43,5%
- Cao	68	36,6%

Nguồn: Trích từ thống kê khảo sát của nhóm nghiên cứu

3.2. Kiểm định độ tin cậy

Đối với yếu tố sẵn sàng trải nghiệm, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.721 lớn hơn 0.7. Đối với hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các biến SSTN_1, SSTN_2 và SSTN_4 lần lượt có giá trị là 0.609, 0.713 và 0.610 đều lớn hơn 0.3, phù hợp với khuyến nghị của Nunnally và cộng sự (1994). Tuy nhiên chỉ có biến SSTN_3 có giá trị Corrected Item-Total Correlation nhỏ hơn 0.3, điều này cho thấy biến này có tương quan yếu so với tổng thể thang đo nên cần được loại bỏ.

Đối với yếu tố kiến thức về tiền mã hóa, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.671 nhỏ hơn 0.7. Trong khi đó, hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted của biến KT_1 cho thấy rằng nếu loại bỏ biến này thì độ tin cậy tổng thể sẽ tăng lên 0.714 nên nhóm tác giả quyết định loại bỏ. Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) sau khi loại bỏ biến KT_1, các biến KT_2, KT_3 và KT_4 đều có giá trị lớn hơn 0.3.

Đối với yếu tố sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.874 lớn hơn 0.7. Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các biến KTS_1, KTS_2, KTS_3, KTS_4 và KTS_5 đều có giá trị lớn hơn 0.3.

Đối với yếu tố tính mạo hiểm, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.880 lớn hơn 0.7. Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total

Correlation) của các biến TMH_1, TMH_2, TMH_3, TMH_4 và TMH_5 đều có giá trị lớn hơn 0.3.

Đối với yếu tố xu hướng sợ mất mát, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.868 lớn hơn 0.7. Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các biến SMM_1, SMM_2, SMM_3, SMM_4 và SMM_5 đều có giá trị lớn hơn 0.3.

Đối với yếu tố tâm lý FOMO trong đầu tư tiền mã hóa, hệ số Cronbach's Alpha tổng thể có giá trị là 0.912 lớn hơn 0.7. Hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các biến FM_1, FM_2, FM_3, FM_4 và FM_5 đều có giá trị lớn hơn 0.3.

3.3. Phân tích EFA

- Phân tích nhân tố khám phá cho biến độc lập

Hệ số KMO có giá trị là 0.865, lớn hơn 0.5 và mô hình kiểm tra của Bartlett có giá trị Sig. bé hơn 0.001 thể hiện dữ liệu khảo sát phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA cho các biến độc lập.

Giá trị tổng phương sai trích đạt 65.7%, lớn hơn 50%, thể hiện rằng, các nhân tố đã giải thích 65.7% biến thiên của dữ liệu khảo sát. Bên cạnh đó, hệ số Eigenvalues của các nhân tố đều lớn hơn 1, cho thấy các nhân tố phù hợp để giữ lại.

Bảng 2 Kết quả phân tích EFA biến độc lập - Ma trận xoay

Mã hóa thang đo	Nhân tố			
	1	2	3	4
SSTN_1	.639			
SSTN_2	.802			
SSTN_4	.778			
KT_2				.783
KT_3				.704
KT_4				.798
KTS_1	.310	.657		
KTS_2		.789		
KTS_3		.812		
KTS_4			.820	
KTS_5			.734	
TMH_1	.773			
TMH_2	.870			
TMH_3	.875			
TMH_4	.626			
TMH_5	.543			
SMM_1			.804	
SMM_2			.763	
SMM_3			.822	
SMM_4	.305		.684	
SMM_5			.771	

Nguồn: Trích từ kết quả dữ liệu chạy trên SPSS của tác giả

Kết quả ma trận xoay ở bảng 5.2 cho thấy các hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0.5. Tuy nhiên, chỉ có biến KTS_1 và SMM_4 xuất hiện trường hợp tải mạnh lên hai nhân tố khác nhau. Xét thấy chênh lệch hệ số tải của hai biến quan sát lần lượt là 0.347 và 0.379, lớn hơn 0.3,¹⁵ nên nhóm tác giả quyết định vẫn giữ lại hai biến này.

Có thể thấy, các biến liên quan đến nhân tố sẵn sàng trải nghiệm và nhân tố tính mạo hiểm đều tải lên một nhân tố. Sự trùng lặp của hai nhân tố này cho thấy chúng phản ánh một xu hướng chung về sẵn sàng trải nghiệm điều mới và xu hướng chấp nhận rủi ro trong bối cảnh nghiên cứu của đề tài.

Vậy nên, nhóm tác giả đề xuất kết hợp hai nhân tố này thành một nhân tố mới với tên gọi là Xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới. Từ đây nhóm tác giả đề xuất giả thuyết mới sau:

H1a: Xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới có tác động cùng chiều (+) với FOMO trong đầu tư tiền mã hóa.

- *Phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc*

Hệ số KMO có giá trị là 0.887, lớn hơn 0.5 và mô hình kiểm tra của Bartlett có giá trị Sig. bé hơn 0.001 thể hiện dữ liệu khảo sát phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA cho biến phụ thuộc.

Giá trị tổng phương sai trích đạt 74.6%, lớn hơn 50%, thể hiện rằng, các nhân tố đã giải thích 74.6% biến thiên của dữ liệu khảo sát. Bên cạnh đó, hệ số Eigenvalues của nhân tố lớn hơn 1, cho thấy các nhân tố phù hợp để giữ lại.

Bảng 3 Kết quả Phân tích EFA biến phụ thuộc - Ma trận xoay

	Nhân tố
	1
FM_1	.895
FM_2	.928
FM_3	.873
FM_4	.739
FM_5	.872

Nguồn: Trích từ kết quả dữ liệu chạy trên SPSS của tác giả

Kết quả phân tích ở bảng 4.15 cho thấy hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0.5 nên không có biến quan sát nào bị loại.

Để tiếp tục với giai đoạn phân tích tương quan và phân tích hồi quy, nhóm tác giả thực hiện mã hóa các nhân tố đại diện như sau:

15 Joseph F. Hair Jr, William C. Black, Barry J. Babin, Rolph E. Anderson, *ltd*.

Bảng 4 Bảng mã hóa nhân tố đại diện

STT	Nhân tố	Mã hóa
1	Xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới	CNĐT
2	Sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số	KTS
3	Xu hướng sợ mất mát	SMM
4	Kiến thức về tiền mã hóa	KT
5	FOMO trong đầu tư tiền mã hóa	FM

3.4. Phân tích tương quan hệ số Pearson**Bảng 5 Bảng hệ số tương quan Correlations**

		CNĐT	KTS	SMM	KT	FM
CNĐT	Pearson Correlation	1	.477**	.421**	.326**	.482**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000
	N	186	186	186	186	186
KTS	Pearson Correlation	.477**	1	.395**	.365**	.598**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000
	N	186	186	186	186	186
SMM	Pearson Correlation	.421**	.395**	1	.285**	.434**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000
	N	186	186	186	186	186
KT	Pearson Correlation	.326**	.365**	.285**	1	.280**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000
	N	186	186	186	186	186
FM	Pearson Correlation	.482**	.598**	.434**	.280**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000
	N	186	186	186	186	186

Nguồn: Trích từ kết quả dữ liệu chạy trên SPSS của tác giả

Nhìn vào bảng 4.17, nhóm tác giả có những nhận xét sau:

Tất cả các nhân tố CNĐT, KTS, SMM và KT đều có giá trị Sig. = 0.000 và mối tương quan dương với nhân tố phụ thuộc FM. Cụ thể:

- Nhân tố KTS có tương quan lớn nhất với nhân tố FM, với giá trị r là 0.589. Điều này cho thấy mối tương quan giữa “sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số” và “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa” là cao.

- Nhân tố CNĐT và SMM có tương quan trung bình với nhân tố FM, với giá trị r lần lượt là 0.482 và 0.434. Điều này cho thấy mối tương quan giữa “xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới” và “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa” là trung bình; mối tương quan giữa “xu hướng sợ mất mát” và “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa” là trung bình.

- Nhân tố KT có tương quan thấp với nhân tố FM, với giá trị r là 0.280. Điều này cho thấy mối tương quan giữa “kiến thức về tiền mã hóa” và “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa” là yếu.

3.5. Kết quả hồi quy các biến độc lập tác động đến biến phụ thuộc

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh (Adjusted R Square) đạt 0.381, cho thấy các biến độc lập trong mô hình giải thích được 38.1% sự biến động của biến phụ thuộc ở mức độ tương đối và mô hình có ý nghĩa thực tiễn nhất định.

Bảng 6 Kết quả phân tích hồi quy

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients Beta	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error				Tolerance	VIF
1	(Constant)	-.785	.405		-1.937	.054		
	CNĐT	.206	.097	.148	2.129	.035	.693	1.44
	KTS	.547	.099	.381	5.486	.000	.692	1.45
	SMM	.366	.105	.230	3.481	.000	.763	1.31
	KT	.058	.090	0.041	0.646	.519	.825	1.21

a. Dependent variable: FM

Nguồn: Trích từ kết quả dữ liệu chạy trên SPSS của tác giả

Theo bảng 4.20, nhóm tác giả có nhận xét sau:

- “Xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới”, “Sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số” và “xu hướng sợ mất mát” đều có tác động đáng kể đến “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa”.

- Tuy nhiên, chỉ có “kiến thức về tiền mã hóa” có tác động không đáng kể đến “FOMO trong đầu tư tiền mã hóa” và không có ý nghĩa thống kê.

Nhóm tác giả có phương trình hồi quy đã chuẩn hóa như sau:

$$FM = 0.148 * CNĐT + 0.381 * KTS + 0.230 * SMM$$

Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm sáng tỏ các yếu tố ảnh hưởng đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, từ đó nhóm tác giả đưa ra những kiến nghị cho các nhà đầu tư khi đầu tư tiền mã hóa nhằm giúp họ kiểm soát cảm xúc và đưa ra những quyết định đầu tư lý trí hơn. Nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp hỗn hợp (kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng).

Thông qua quá trình thu thập và phân tích dữ liệu, nhóm tác giả đề xuất, trong 5 giả thuyết được đặt ra, giả thuyết H1 và H4 được thay thế bằng giả thuyết H1a.

Dựa trên kết quả phương trình hồi quy đã chuẩn hóa, nhóm tác giả kết luận như sau:

Đối với nhân tố xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới, kết quả cho thấy nhân tố này có tác động cùng chiều và đáng kể đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa. Điều này có nghĩa là những người sẵn sàng chấp nhận rủi ro và có xu hướng thích nghi với cái mới dễ bị ảnh hưởng bởi FOMO.

Đối với nhân tố kiến thức tiền mã hóa, kết quả cho thấy nhân tố này không có ý nghĩa thống kê dù giả thuyết ban đầu được đặt ra là tác động ngược chiều. Điều này có nghĩa việc có kiến thức về tiền mã hóa chưa chắc đã giúp nhà đầu tư giảm FOMO.

Đối với nhân tố sự phụ thuộc vào nguồn thông tin kỹ thuật số (KTS), kết quả cho thấy nhân tố này có tác động cùng chiều và lớn nhất đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa. Điều này chứng minh rằng những người phụ thuộc nhiều vào các nguồn thông tin kỹ thuật số (như mạng xã hội, diễn đàn, tin tức online) có xu hướng bị FOMO cao nhất.

Đối với nhân tố xu hướng sợ mất mát, kết quả cho thấy nhân tố này có tác động cùng chiều và đáng kể đến FOMO trong đầu tư tiền mã hóa. Điều này cho thấy rằng tâm lý sợ bị bỏ lỡ lợi nhuận hoặc thua lỗ khi người khác đang kiếm lời là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy FOMO.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra những đề xuất sau:

(1) Về yếu tố “xu hướng chấp nhận rủi ro và sự đổi mới”, giải pháp đặt ra là những nhà đầu tư cần phát triển phương pháp đầu tư có kế hoạch: bắt đầu bằng các khoản đầu tư thử nghiệm nhỏ, xác định mục tiêu rõ ràng, và gắn kết việc trải nghiệm với mục tiêu dài hạn.

(2) Thứ hai, giải pháp nhằm giảm “sự phụ thuộc vào thông tin kỹ thuật số” bao gồm: nâng cao khả năng phân tích và đánh giá nguồn tin, khuyến khích kiểm chứng thông tin và cẩn trọng với “tin sốc” trên mạng, triển khai hướng dẫn nhà đầu tư lọc bỏ tin giả mạo (*fake news*) và khuyến khích tham khảo các nguồn tin tài chính chính thống. Đồng thời, các nhà đầu tư cũng cần giới hạn thời sử dụng điện thoại của bản thân để tránh việc tiếp cận quá nhiều thông tin mà làm “chệch hướng” mục tiêu ban đầu. Các tổ chức tài chính và cơ quan quản lý cũng nên hỗ trợ thiết lập nền tảng thông tin đầu tư minh bạch, đồng thời phổ biến kiến thức về tác hại của tin đồn và “lời kêu gọi đầu tư” ảo trên môi trường số, nhằm giảm bớt FOMO.

(3) Thứ ba, yếu tố “xu hướng sợ mất mát” có tác động rất mạnh đến FOMO. Điều này cho thấy nhà đầu tư càng lo sợ mất cơ hội sinh lợi (hoặc mất tiền) thì càng dễ rơi vào trạng thái sợ bỏ lỡ cơ hội. Để giảm thiểu tác động này, nhà đầu tư cần tập trung vào giáo dục tâm lý đầu tư và định hướng lại nhận thức. Họ cần phải hiểu rằng việc bỏ lỡ một cơ hội là một điều hiển nhiên trong thị trường tài chính, thay vào đó hãy rèn luyện sự kiên nhẫn của bản thân và tập trung trước tiên vào các khoản đầu tư đã nghiên cứu kỹ lưỡng cũng như phù hợp với mục tiêu dài hạn đã đặt ra. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Icek Ajzen, “The theory of planned behavior”, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, Vol. 50(1), 1991, DOI: [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- [2] Nwamaka A. Anaza, Bhaskar Upadhyaya, Delancy Bennett, Cecilia Ruvalcaba, “Is it FOMO or is it ME? The influence of personality traits on cryptocurrency consumption”, *Psychology & Marketing*, Vol. 41(1), 2023
- [3] Pipit Rosita Andarsari, Mega Noerman Ningtyas, “The role of financial literacy on financial behavior”, *Journal of accounting and business education*, Vol. 4(1), 2019, DOI: <http://dx.doi.org/10.26675/jabe.v4i1.8524>
- [4] A. Bandura, & National Inst of Mental Health, *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall, 1986
- [5] Chainalysis Team, “The 2023 Global Crypto Adoption Index: Central & Southern Asia Are Leading the Way in Grassroots Crypto Adoption”, *Chainalysis*, 2023
- [6] Edward L. Deci, Richard M. Ryan, *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*, Berlin: Springer Science & Business Media, 1985, DOI: <https://doi.org/10.1007/978-1-4899-2271-7>
- [7] Joseph F. Hair Jr, William C. Black, Barry J. Babin, Rolph E. Anderson, *Multivariate data analysis*, (7th ed.). Prentice Hall, 2010
- [8] Ahmed Hassan Jamal, Malik Aftab Ahmed, “Impact of neuroticism, agreeableness and openness to experience on long term investment intentions: A mediating role of risk aversion”, *South Asian Journal of Banking and Social Sciences*, Vol. 02(01), 2016
- [9] Daniel Kahneman, Jack L. Knetsch, and Richard H. Thaler, “Anomalies: The endowment effect, loss aversion, and status quo bias”, *Journal of Economic Perspectives*, Vol. 5(1), 1991, DOI: <https://doi.org/10.1257/jep.5.1.193>
- [10] Juho Kuusela, *Influence of Communities and Social Media on Cryptocurrency Price Movements*, Bachelor’s thesis, JAMK University of Applied Sciences, May 2025
- [11] Robert R. McCrae, David M. Greenberg, “Chapter 12: Openness to experience”, in Dean Keith Simonton (ed.), *The Wiley handbook of genius*, 2014, DOI: <https://doi.org/10.1002/9781118367377.ch12>
- [12] Andrew K. Przybylski, Kou Murayama, Cody R. DeHaan, Valerie Gladwell, “Motivational, emotional, and behavioral correlates of fear of missing out”, *Computers in Human Behavior*, Vol. 29(4), 2013, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.chb.2013.02.014>
- [13] Alexander Jerico Nehemia Sinaga, Osly Usman, “Influence of FOMO, Information, and Influencers on Crypto Investment Decisions”, *International Student Conference on Business, Education, Economics, Accounting, and Management (ISC-BEAM)*, Vol. 3(01), 2025, DOI: <https://doi.org/10.21009/ISC-BEAM.013.150>